TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26 /9/2018
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Kim Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mười
Ông Mai Hồ Hải Thành
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký TAND quận S, thành phố Đ.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 8 tháng 06 năm 2018 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 4/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53 ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Phạm H– Địa chỉ: số 62 đường Nguyễn Xuân K, tổ 9 phường A, quận S, Tp. Đ. Có mặt.

- **Bị đơn:** bà Lê Thị Ngọc T- Địa chỉ: số 62 đườngNguyễn Xuân K, tổ 9 phường A, quận S, Tp. Đ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện gửi đến Toà án ngày 11/6/2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phạm Htrình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Lê Thị Ngọc T kết hôn năm 1998 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 81; Quyển số 01/98 ngày 10.10.1998 tại UBND hường T quận T, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác nhau. Tôi đã làm đơn ly hôn một lần, nhưng vì các con nên tôi đã rút đơn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi xác định không còn yêu thương bà T nữa, đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và bà T có 02 con chung tên là Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 và Phạm D, sinh ngày: 24.7.1997, hiện nay Phạm D đã trưởng thành, phát triển bình thường nên ở với ai tùy ý. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng giao con Phạm Hoàng K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và tôi cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:. Tôi xác định tôi và bà T không có nợ chung.

***** *Đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T mặc dù đã được Tòa án đã giao, quyết định đưa vụ án ra xét xử , Quyết định hoãn phiên tòa, đây là lần thứ hai Tòa án mở lại nhưng bà T đều vắng mặt, nhưng tại bản tự khai cũng như các buổi hòa giải và giao nộp chứng cứ bà T Khai:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Phạm H kết hôn năm 1998 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 81; Quyển số 01/98 ngày 10.10.1998 tại UBND hường T quận T, thành phố Đ, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chồng tôi đi làm xa, lăng nhăng ngoài đường, nên tôi không tin tưởng về tình cảm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, tôi đã cố gắng khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh vẫn không thay đổi. Nay, tôi xác định không còn tình cảm với ông H tôi đồng ý ly hôn, nhưng tôi không thuận tình ly hôn. Tòa án cứ giải quyết đơn ly hôn của ông H vắng mặt tôi vì sau này tôi sẽ không đến Tòa án nữa.

- Về con chung: Tôi xác định tôi và ông H có 02 con chung tên là Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 và Phạm D, sinh ngày: 24.7.1997, hiện nay Phạm D đã trưởng thành, phát triển bình thường nên ở với ai tùy ý. Nếu ly hôn, chúng tôi thống nhất giao con Phạm Hoàng K cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tôi xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định tôi và ông H không có tài sản chung.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật; riêng bị đơn bà Lê Thị Ngọc T mặc dù có mặt trong các phiên hòa giải nhưng không có mặt tại các phiên tòa, không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của ông Phạm H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung đối với bà Lê Thị Ngọc T xử ông Phạm H được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T. Về con chung: giao

Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 cho bà Lê Thị Ngọc T trực tiếp nuôn dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng.

Về nợ chung và về tài sản chung: Ông Phạm H và bà Lê Thị Ngọc T khai nhận không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị không gải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Phạm H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Lê Thị Ngọc T Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Lê Thị Ngọc T.

[2] **Về nội dung:** Ông Phạm H và bà Lê Thị Ngọc T đăng kết hôn vào năm 1998 tại Giấy chứng nhận kết hôn số 81; Quyển số 01/98 ngày 10.10.1998 tại UBND hường T quận T, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của ông Phạm H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Phạm H và bà Lê Thị Ngọc T lại không làm được điều này. Mặc dù tại phiên tòa bà T Vắng mặt nhưng các buổi hòa giải và tại bản tự khai bà T và ông H đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẩn vì không tin tưởng nhau, bà T cũng thừa nhận hiện nay không còn yêu thương ông H nữa nên đồng ý ly hôn với ông H. Qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của ông Phạm H và bà Lê Thị Ngọc T thì đã được chính quyền địa phương cung cấp và xác định mẫu thuẩn của vợ chồng ông H phát sinh từ đầu năm 2018 đến nay. Vợ chồng ông H và bà T đã sống ly thân. Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẩn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà T và ông H thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẩn của ông H và T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phạm Hđối với bà Lê Thị Ngọc T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Ông Phạm H bà và Lê Thị Ngọc T xác định có 02 con chung tên là Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 và Phạm D, sinh ngày: 24.7.1997, hiện nay Phạm D đã trưởng thành, phát triển bình thường nên Tòa án không giải quyết. Riêng đối với cháu Phạm Hoàng K, ông H và bà T thống nhất và thỏa thuận nếu ly hôn giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu về nuôi con chung của bà T và ông H thì thấy: Mặc dù tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt nhưng trong quá trình hòa giải ông H và bà T thống

nhất và thỏa thuận nếu ly hôn giao con chung Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Theo nguyện vọng của cháu thì cháu K muốn ở với mẹ. Nên HĐXX xét thấy cần giao Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông Phạm H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Phạm Hvà bà T xác nhận không có nợ chung.

[6] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng ông Phạm H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ ông Phạm H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 51; Điều 56; 81; 82 và 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của ông Phạm H đối với bà Lê Thị Ngọc T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm H được ly hôn bà Lê Thị Ngọc T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Phạm Hđối với bà Lê Thị Ngọc Tnên giấy chứng nhận kết hôn số 81 do UBND hường T quận T, thành phố Đ cấp ngày 10/10/2009 cho ông Phạm H và bà Lê Thị Ngọc T không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:. Về quan hệ con chung: Giao con chung Phạm Hoàng K, sinh ngày: 20.12.2003 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi vì cần thiết lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông con,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Ông Phạm H và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về nợ chung: Ông Phạm H và bà T xác nhận không có nợ chung.

[5] Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Phạm H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 008765 ngày 7.6.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đ. Ông Phạm H đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đồng ông Phạm H phải chịu.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KY)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

Nơi nhận :
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận S;*
- *Chi cục THADS quận S;*
- *UBND phường A,*
- *Lưu hồ sơ,*